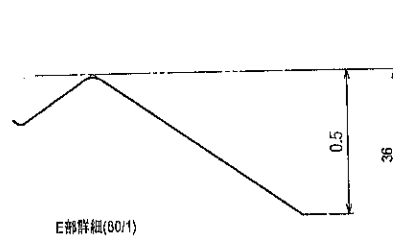
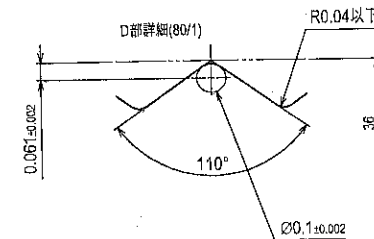
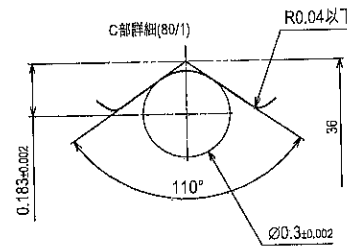
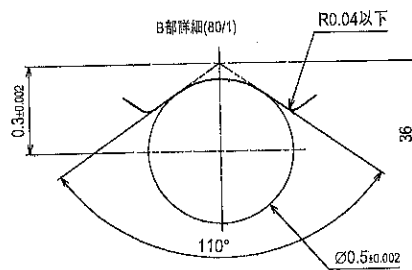
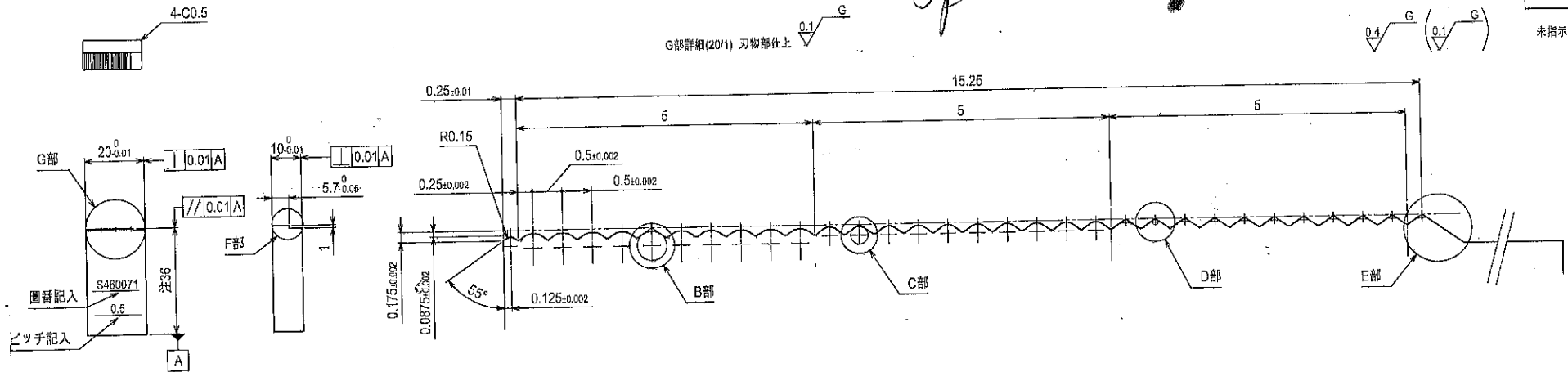


-GS GIA CÔNG OK TẤT CẢ KÍCH THUỐC (TRỪ PHẦN KHÍA)
 -GP GIA CÔNG PHẦN KHÍA
 -AL KHẮC CHỮ

5/27

| DATE | DESCRIPTION | REP. No. | OWN. | CHKD. | CUTTING TOLERANCE |
|---------|-------------|----------|--------|-------|--|
| 2012/07 | 出廠件 | 0065 | May 04 | LL-Y | 0.5 ± 0.1 0.5 < 0.30 ± 0.2 30 < 0.120 ± 0.3 120 < 0.400 ± 0.5 |
| | | | | | TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED ARE JIS B 1301 CLASS 1 |
| | | | | | FINISH MARKS |



注：有關再研磨時的高度尺寸，高度管理上再研磨時的尺寸是每隔0.5mm加工。

| DSGND. | CHKD. | TITLE | PARTS NAME |
|---------------|---------------|---------------------|------------------------|
| Yeh_Liu_Fong | Hsu_Chen_Fong | 部品圖 PART DRAWING | 平ダイス STRAIGHT DIE |
| QUENCH TEMPER | SURFACE | 部品圖 部品圖 | 平模 平模 |
| HRC | | | DWG.No. |
| MATERIAL | DATE | SCALE | |
| WC(NM10) | 2005/09/10 | 1:1 | |
| | | | S460071 |
| | | | MANUKE MOTOR CO., LTD. |

BTP

BTP S056860

18-03-2019
 TRA VE S460071
 NO COPY

120
 200
 10

SNO: **S460071**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **10 P**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

| DIỄN GIẢI | THỜI GIAN CHUẨN 1P |
|-----------|--|
| | GS : 40 GP : 50 AL : 1 KT |